

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN THÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 126/QĐ-UBND

Xuân Thành, ngày 13 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Dự toán Thu-Chi ngân sách xã năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ban hành ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách; Theo đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Dự toán Thu, Chi ngân sách xã năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thành (trình Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp thứ 7, khóa XXI nhiệm kỳ 2021 – 2026)

(Kèm theo các biểu công khai).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Văn phòng UBND xã, công chức Tài chính - Kế toán và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Quốc Anh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Về việc niêm yết công khai Dự toán thu - chi tài chính năm 2024
(Dự toán thu - chi ngân sách trình HĐND xã tại Kỳ họp thứ 7, khóa XXI)

Thực hiện Thông tư số 343/TT- BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài Chính về việc niêm yết công khai ngân sách và hoạt động tài chính khác ở xã;

Căn cứ quyết định của UBND xã Xuân Thành về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024;

Hôm nay, vào hồi 7h00 phút, ngày 15/12/2023, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân;

Chúng tôi gồm có:

Đại diện Đảng Ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân, Ủy ban MTTQ xã và các thành viên ban pháp chế, Ban kinh tế các bộ phận liên quan.

- Ông: Hoàng Văn Tân, Phó BT Đảng ủy xã, CT HĐND xã;
- Ông: Trần Quốc Anh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;
- Bà: Lê Thị Kim Dung, Chủ tịch UBMTTQ xã;
- Bà Phan Thị Trang, Trưởng ban Pháp chế HĐND xã;
- Bà Trần Bảo Toàn, Trưởng ban KTXH HĐND xã;
- Bà : Trịnh Thị Hạnh, Kế toán ngân sách xã;
- Bà: Trần Thị Trang, Văn phòng UBND xã.

Tiến hành lập biên bản niêm yết công khai Báo cáo Dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2024*(Dự toán thu - chi ngân sách trình HĐND xã tại Kỳ họp thứ 7, khóa XXI)*

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

*** Nội dung niêm yết:**

Công khai Dự toán các khoản thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã và các hoạt động tài chính khác.

(Có kèm theo các phụ biểu)

*** Thời gian niêm yết:** ngày, bắt đầu từ ngày 15/12/2023 đến hết ngày 25/12/2023.

*** Địa điểm niêm yết:** Trụ sở UBND xã Xuân Thành

Trong thời gian niêm yết nếu có những nội dung gì sai sót, thì đề nghị các ban ngành đoàn thể, nhân dân có kiến nghị bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân xã.

UBND xã, phải chịu trách nhiệm thực hiện niêm yết, kiểm tra việc niêm yết công khai Dự toán thu chi ngân sách năm 2024 tại UBND xã;



Biên bản này được lập xong vào hồi 8 giờ 30 phút cùng ngày. Thông qua các thành viên nhất trí ký tên./.



**ĐẠI DIỆN HĐND
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Tân



**ĐẠI DIỆN UBND XÃ
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Anh

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC

BAN KINH TẾ - XÃ HỘI

BAN PHÁP CHẾ

Lê Thị Kim Dung

Trần Bảo Toàn

Phan Thị Trang

**CÔNG CHỨC
TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN**

VĂN PHÒNG UBND XÃ

Trịnh Thị Hạnh

Trần Thị Trang



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KẾT THÚC NIÊM YẾT CÔNG KHAI
VỀ VIỆC KẾT THÚC NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI TÀI CHÍNH NĂM 2024
(Dự toán thu - chi ngân sách trình HĐND xã tại Kỳ họp thứ 7, khóa XXI)

Thực hiện Thông tư số 343/TT- BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài Chính về việc niêm yết công khai ngân sách và hoạt động tài chính khác ở xã;

Căn cứ quyết định của UBND xã Xuân Thành về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024;

Hôm nay, vào hồi 7h00 phút, ngày 25/12/2023, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân;

Chúng tôi gồm có:

Đại diện Đảng Ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân, Ủy ban MTTQ xã và các thành viên ban pháp chế, Ban kinh tế các bộ phận liên quan.

1. Ông Hoàng Văn Tân, Phó BT Đảng ủy xã, CT HĐND xã;
2. Ông Trần Quốc Anh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;
3. Bà Lê Thị Kim Dung, Chủ tịch UBMTTQ xã;
4. Bà Phan Thị Trang, Trưởng ban Pháp chế HĐND xã;
5. Bà Trần Bảo Toàn, Trưởng ban KTXH HĐND xã;
6. Bà Trịnh Thị Hạnh, Kế toán ngân sách xã;
7. Bà Trần Thị Trang, Văn phòng UBND xã.

Tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết công khai Báo cáo Dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2024 (dự toán thu chi ngân sách xã năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp thứ 07, khóa XXI nhiệm kỳ 2021 – 2026).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

*** Nội dung niêm yết:**

Công khai Dự toán các khoản thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã và các hoạt động tài chính khác.

(Có kèm theo các phụ biểu)

*** Thời gian niêm yết:** 10 ngày, bắt đầu từ ngày 15/12/2023 đến hết ngày 25/12/2023.

*** Địa điểm niêm yết:** Trụ sở UBND xã Xuân Thành

Trong thời gian niêm yết công khai Dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2024 trình Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp thứ 07, khóa XXI nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại bảng tin các nội dung theo phụ biểu quy định, Ủy ban nhân dân xã không nhận được ý kiến phản hồ nào về các vấn đề liên quan đến các nội dung Dự toán thu - chi ngân sách. Vậy chúng tôi tiến hành lập biên bản kết thúc việc niêm yết công khai để triển khai các bước tiếp theo.



Biên bản này được lập xong vào hồi 8 giờ 30 phút cùng ngày. Thông qua các thành viên nhất trí ký tên./.



**ĐẠI DIỆN HĐND
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Tân



**ĐẠI DIỆN UBND XÃ
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Anh

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC BAN KINH TẾ - XÃ HỘI

Lê Thị Kim Dung

Trần Bảo Toàn

Phan Thị Trang

**CÔNG CHỨC
TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN**

Trịnh Thị Hạnh

VĂN PHÒNG UBND XÃ

Trần Thị Trang



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	11.945.605.000	TỔNG SỐ CHI	11.945.605.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	181.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	4.050.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	5.445.500.000	II. Chi thường xuyên	7.753.605.000
III. Thu bổ sung	6.319.105.000	III. Dự phòng	142.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	6.319.105.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



Biểu số 105/CK TC - NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023 (năm hiện hành)				DỰ TOÁN NĂM 2024				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3		
	TỔNG CHI	12.205.900.000	6.230.000.000	5.975.900.000	11.945.605.000	4.050.000.000	7.895.605.000	97,87	65,01	132,12		
	Trong đó:											
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	551.647.000		551.647.000	875.740.000	200.000.000	675.740.000	158,75		122,50		
	Chi dân quân tự vệ	402.247.000		402.247.000	382.940.000		382.940.000	95,20		95,20		
	Chi trật tự an toàn xã hội	149.400.000		149.400.000	492.800.000	200.000.000	292.800.000	329,85		195,98		
1	Chi giáo dục	790.000.000	620.000.000	170.000.000	600.000.000	500.000.000	100.000.000	75,95	80,65	58,82		
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ											
3	Chi y tế	133.640.000		133.640.000	156.400.000		156.400.000	117,03		117,03		
4	Chi văn hóa, thông tin	135.000.000		135.000.000	445.000.000	300.000.000	145.000.000	329,63		107,41		
5	Chi phát thanh, truyền thanh	30.000.000		30.000.000	38.080.000		38.080.000	126,93		126,93		
6	Chi thể dục, thể thao	50.000.000		50.000.000	50.000.000		50.000.000	100,00		100,00		
7	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	50.000.000		50.000.000	100,00		100,00		
8	Chi các hoạt động kinh tế	3.583.261.000	3.260.000.000	323.261.000	2.913.261.000	1.940.000.000	973.261.000	81,30	59,51	301,08		
	Giao thông	3.006.000.000	2.856.000.000	150.000.000	1.940.000.000	1.940.000.000		64,54	67,93			
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	577.261.000	404.000.000	173.261.000	973.261.000		973.261.000	168,60		561,73		
	Thị chính											
	Thương mại, du lịch											
	Các hoạt động kinh tế khác											
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.413.872.000	2.350.000.000	4.063.872.000	6.361.516.000	1.110.000.000	5.251.516.000	99,18	47,23	129,22		
	Quản lý Nhà nước	5.112.114.000	2.350.000.000	2.762.114.000	3.899.819.000	1.110.000.000	2.789.819.000	76,29	47,23	101,00		
	Đảng Cộng sản Việt Nam	668.015.000		668.015.000	1.007.593.000		1.007.593.000	150,83		150,83		
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	150.047.000		150.047.000	368.321.000		368.321.000	245,47		245,47		
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	88.170.000		88.170.000	236.253.000		236.253.000	267,95		267,95		
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	93.534.000		93.534.000	216.253.000		216.253.000	231,20		231,20		
	Hội Cựu chiến binh	69.401.000		69.401.000	192.816.000		192.816.000	277,83		277,83		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023 (năm hiện hành)				DỰ TOÁN NĂM 2024				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3		
	Hội Nông dân	139.095.000		139.095.000	227.821.000		227.821.000	163,79			163,79	
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)	93.496.000		93.496.000	212.640.000		212.640.000	227,43			227,43	
10	Chi cho công tác xã hội	273.480.000		273.480.000	313.608.000		313.608.000	114,67			114,67	
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghị việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	197.000.000		197.000.000	237.128.000		237.128.000	120,37			120,37	
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa											
	Trợ cấp xã hội	6.480.000		6.480.000	6.480.000		6.480.000	100,00			100,00	
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	70.000.000		70.000.000	50.000.000		50.000.000	71,43			71,43	
	Khác				20.000.000		20.000.000					
11	Chi khác											
	Chi khác	50.000.000		50.000.000								
	Chi khác											
12	Dự phòng	145.000.000		145.000.000	142.000.000		142.000.000	97,93			97,93	
	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau											
	Nộp trả ngân sách cấp trên											





Tỉnh: Hà Tĩnh
Huyện: Nghi Xuân
Xã: Xuân Thành

Biểu số 107/CK TC- NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC CỦA XÃ
Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Kế hoạch thu	Kế hoạch chi	Chênh lệch
A	B	1	2	3	4
1	Hoạt động quỹ công chuyên dùng	68.896.000	58.500.000	76.744.000	50.652.000
	- Quỹ bảo trợ trẻ em	38.023.000	40.000.000	45.000.000	33.023.000
	- Quỹ an ninh quốc phòng	128.000	0	0	128.000
	- Quỹ ĐỒ ĐN	5.970.000	0	0	5.970.000
	- Quỹ phòng chống thiên tai	24.775.000	18.500.000	31.744.000	11.531.000
2	Thu hộ, Chi hộ	21.139.403	0	10.408.000	10.731.403
	- Chi hộ	21.139.403	0	10.408.000	10.731.403
	Tổng cộng:	90.035.403	58.500.000	87.152.000	61.383.403



Biê

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

(Dự toán trình HĐND xã Quyết định)

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước
TỔNG SỐ		59.931.068.000	-	34.858.943.000	29.523.428.000	4.050.000.000	4.050.000.000
Trả làm mới nâng cấp (rải thảm) tuyến đường từ ngõ Bà Nguyệt đến ngõ Ông Khang thôn Thành Phú	11/2022 - 4/2023	2.043.000.000		104.806.000	104.806.000	300.000.000	300.000.000
Nhà văn hóa Thành Vân		705.000.000				300.000.000	300.000.000
Trả nợ Đường Từ ông Bé đi Phù lão	22/9/2021- 20/12/2021	3.902.922.000		3.750.000.000	3.573.000.000	80.000.000	80.000.000
Trả nợ Đường Từ ông Tân đi Bà Hạo	27/8/2021- 28/1/2022	2.951.674.000		2.924.000.000	2.762.000.000	80.000.000	80.000.000
Trả nợ nhà giao dịch 1 cửa	5/2020- 6/2020	869.000.000		864.000.000	760.000.000	70.000.000	70.000.000
Trả nợ thiết bị hiện đại giao dịch 1 cửa						40.000.000	40.000.000
Trả nợ Nhà làm việc UBND xã	1/2020- 5/2020	4.553.000.000		4.411.000.000	4.043.000.000	100.000.000	100.000.000
Trả nợ Cấp nước HS thôn Thành Yên	9/2022- 11/2022	1.183.000.000		1.083.000.000	94.583.000	200.000.000	200.000.000
XD nhà đa năng 3 Tầng Trường Tiểu học	3-2022 9-2022	7.936.000.000		7.392.000.000	6.842.000.000	250.000.000	250.000.000
XD mới Đường Thanh Vân đi Xuân Yên	5/2022 9/2022	4.615.350.000		4.215.000.000	3.794.342.000	200.000.000	200.000.000
XD mới Đường ngõ chi Điện đến ngõ chi Liệu (Thôn Thành Tiến)	5/2022 9/2022	2.122.775.000		2.001.789.000	1.601.789.000	200.000.000	200.000.000



Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước
XD mới Đường từ cổng chào T Minh Hòa nối đường Trịnh Khắc Lập	7/2022 10/2022	1.472.946.000		1.461.348.000	1.261.348.000	80.000.000	80.000.000
Trả nợ mượn Bầu quan đi Bầu dài (Đoạn từ Sân Gón đi ra Cầu Thành Long)	12/2021 5/2023	5.529.749.000		3.550.000.000	4.686.560.000	200.000.000	200.000.000
Trả nợ đường từ cửa anh Dung đi Anh Hoàn	10/2020- 3/2021	2.442.956.000		150.000.000		200.000.000	200.000.000
Trả làm mới nâng cấp (rải thảm) tuyến đường từ cửa Hàng Nhật thôn Thành Văn đi nhà Bà Hạnh Thôn Thành Hải		7.777.088.000				200.000.000	200.000.000
Cải tạo nâng cấp trường tiểu học Xuân Thành - Hạng mục : Hàng rào , mương thoát nước và lát sân	13/9/2023- 13/12/2023	512.000.000		500.000.000		250.000.000	250.000.000
Trả nợ đường trở Đu đi Bãi trác		8.609.332.000		349.000.000		200.000.000	200.000.000
Trả làm mới nâng cấp (rải thảm) tuyến đường từ cổng trường tiểu học đi nối đường trục thôn Thành Yên và đoạn nhà Bà Tam nối đường ven biển (cửa Dung Công)	3/2023 6/2023	2.255.276.000		2.103.000.000	-	200.000.000	200.000.000
Làm mới khuôn viên vỉa hè khu trung tâm xã						400.000.000	400.000.000
Nhà làm việc công an						200.000.000	200.000.000
Trả nợ hỗ trợ các điểm NTM đã làm 2022+2023 (kè láng lẽ đường, công trình phụ trợ nhà văn hóa						100.000.000	100.000.000



Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước
Mua sắm trang thiết bị bàn ghế họp hội trường UBND xã		450.000.000				200.000.000	200.000.000

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2024				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	5 = 3/1	6 = 4/2
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
	Tổng số thu	24.341.272.179	20.002.941.410	19.084.605.000	11.945.605.000	78,40	59,72		
I	Các khoản thu 100%	743.861.589	737.990.000	181.000.000	181.000.000	24,33	24,53		
1	Phí, lệ phí	33.625.000	33.625.000	31.000.000	31.000.000	92,19	92,19		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	665.130.000	665.130.000	118.000.000	118.000.000	17,74	17,74		
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất								
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	5.871.589							
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	15.000.000	15.000.000						
8	Thu khác	24.235.000	24.235.000	32.000.000	32.000.000	132,04	132,04		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.930.656.535	2.598.197.355	12.584.500.000	5.445.500.000	181,58	209,59		
I	Các khoản thu phân chia	357.916.487	308.017.724	554.500.000	454.500.000	154,92	147,56		
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	87.664.691	87.664.691	45.000.000	45.000.000	51,33	51,33		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	20.757.952	20.757.952	9.500.000	9.500.000	45,77	45,77		
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	249.493.844	199.595.081	500.000.000	400.000.000	200,41	200,41		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	6.572.740.048	2.290.179.631	12.030.000.000	4.991.000.000	183,03	217,93		
2.1	Thu tiền sử dụng đất	2.527.121.550	1.137.204.700	9.000.000.000	4.050.000.000	356,14	356,14		
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	1.363.126.779	408.938.041	1.700.000.000	510.000.000	124,71	124,71		
2.3	Thuế tài nguyên								
2.4	Thuế giá trị gia tăng	2.390.608.986	678.953.481	330.000.000	231.000.000	13,80	34,02		
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	264.646.512	51.465.294	1.000.000.000	200.000.000	377,86	388,61		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân								
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt	27.236.221	13.618.115						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								



STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2024			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2	
A	B							
IV	Thu chuyển nguồn	5.181.718.055	5.181.718.055					
V	Thu kết dư ngân sách năm trước							
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	11.485.036.000	11.485.036.000	6.319.105.000	6.319.105.000	55,02	55,02	
	Bổ sung cân đối ngân sách							
I	Thu bổ sung cân đối	4.639.010.000	4.639.010.000					
	Bổ sung có mục tiêu	6.846.026.000	6.846.026.000	6.319.105.000	6.319.105.000	92,30	92,30	
2	Thu bổ sung có mục tiêu							

